

Kinh tế tri thức là gì?

VNECONOMY cập nhật: 26/05/2004

Em có một vấn đề chưa hiểu, đề nghị TBKTVN giải đáp giúp: kinh tế tri thức là gì, các đặc điểm của nền kinh tế tri thức? - Một bạn đọc TBKTVN

Hiện nay, có nhiều quan điểm và định nghĩa về kinh tế tri thức. TBKTVN xin trích dẫn định nghĩa về kinh tế tri thức theo nhận định của Giáo sư - Viện sĩ Đặng Hữu trong bài “Kinh tế tri thức với chiến lược phát triển của Việt Nam”: Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Trong nền kinh tế tri thức, hai ngành công nghiệp và nông nghiệp chiếm tỷ lệ thấp và chiếm đa số là các ngành kinh tế dựa vào tri thức, dựa vào các thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ.

Đó có thể là những ngành mới như công nghiệp thông tin (công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm), các ngành công nghiệp, dịch vụ mới dựa vào công nghệ cao, và cũng có thể là những ngành truyền thống (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) được cải tạo bằng khoa học, công nghệ cao.

Ví dụ, ngành công nghiệp sản xuất ô tô thông minh không cần người lái; nông nghiệp sử dụng công nghệ sinh học, tự động điều khiển, hầu như không có người lao động; ngành công nghiệp dệt may sử dụng Internet để sản xuất và cung cấp hàng may mặc theo yêu cầu của khách hàng trên khắp thế giới...

Các tiêu chí của nền kinh tế tri thức:

- Cơ cấu GDP: hơn 70% là từ các ngành sản xuất và dịch vụ áp dụng công nghệ cao.
- Cơ cấu V.A: hơn 70% là do lao động trí tuệ mang lại.
- Cơ cấu lao động: hơn 70% là công nhân tri thức.
- Cơ cấu tư bản: hơn 70% là tư bản con người.

Một số đặc điểm của kinh tế tri thức:

- Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ý thức đổi mới và công nghệ mới trở thành chìa khoá cho việc tạo ra việc làm mới và nâng cao chất lượng cuộc sống. Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, dịch chuyển cơ cấu nhanh.
- Sản xuất công nghệ trở thành loại hình sản xuất quan trọng nhất, tiên tiến nhất. Các doanh nghiệp đều có sản xuất công nghệ, trong đó khoa học và sản xuất được thể chế hoá, không còn phân biệt giữa phòng thí nghiệm và công xưởng.
- Ứng dụng công nghệ thông tin được tiến hành rộng rãi trong mọi lĩnh vực, mạng thông tin đa phương tiện phủ khắp nước, nối hầu hết các tổ chức, gia đình. Thông tin trở thành tài nguyên quan trọng. Mọi lĩnh vực hoạt động xã hội đều có tác động của công nghệ thông tin.
- Dân chủ hoá được thúc đẩy. Mọi người đều dễ dàng truy cập thông tin mà mình cần. Điều này dẫn đến dân chủ hoá các hoạt động và tổ chức điều hành xã hội. Người dân nào cũng có thể được thông tin kịp thời về các chính sách của Nhà nước, cơ quan Nhà nước, các tổ chức và có thể có ý kiến ngay nếu thấy không phù hợp. Không thể bưng bít thông tin được.
- Xã hội học tập. Giáo dục phát triển. Đầu tư cho giáo dục và khoa học chiếm tỷ lệ cao. Đầu tư vô hình (con người, giáo dục, khoa học) cao hơn đầu tư hữu hình (cơ sở vật chất). Phát triển con người trở thành nhiệm vụ trọng tâm.
- Tri thức trở thành vốn quý nhất, nguồn nhân lực hàng đầu tạo tăng trưởng, không như các nguồn vốn khác bị mất đi khi sử dụng, tri thức và thông tin có thể được chia sẻ, tăng lên khi sử dụng và hầu như không tốn kém khi chuyển

giao.

- Sáng tạo, đổi mới thường xuyên là động lực tăng trưởng hàng đầu. Công nghệ đổi mới rất nhanh, vòng đời công nghệ rút ngắn, có khi chỉ mấy năm, thậm chí mấy tháng. Các doanh nghiệp muốn trụ được và phát triển phải luôn đổi mới công nghệ và sản phẩm.

- Các doanh nghiệp vừa cạnh tranh vừa hợp tác để phát triển. Trong cùng một lĩnh vực, khi một công ty thành công, lớn mạnh lên thì các công ty khác phải tìm cách sáp nhập hoặc chuyển hướng ngay.

- Toàn cầu hoá thị trường và sản phẩm. Sản phẩm phần lớn được thực hiện từ nhiều nơi trên thế giới, kết quả của công ty ảo, xí nghiệp ảo, làm việc từ xa.

- Thách thức văn hoá. Các xã hội phải có nhiều nỗ lực bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá của mình để tránh bị hoà tan.

Theo mình **kinh tế tri thức** là một nền kinh tế sử dụng chất xám trong mọi lĩnh vực, lấy tri thức làm động lực, công cụ phục vụ cho mọi hoạt động kinh tế xã hội. Kinh tế tri thức là một nền kinh tế công nghệ cao và đòi hỏi tư duy cao độ, nền **kinh tế tri thức** tác động đến nhiều lĩnh vực, **kinh tế tri thức** là một nền kinh tế cần nhiều nhân lực trẻ.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, NHIỆM VỤ VÀ

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005

Bước vào kế hoạch 5 năm đầu tiên của thế kỷ mới, tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi, cơ hội lớn đan xen với nhiều khó khăn, thách thức lớn.

Thế và lực của nước ta mạnh hơn nhiều so với trước. Chính trị - xã hội tiếp tục ổn định; quan hệ sản xuất được đổi mới phù hợp hơn; thể chế kinh tế thị trường đã bước đầu hình thành và vận hành có hiệu quả. Hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách phù hợp đang phát huy trong phát triển kinh tế và đời sống xã hội.

Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã tạo ra tiền đề cần thiết cho bước phát triển mới. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Quan hệ kinh tế, ngoại giao của nước ta đã được mở rộng trên trường quốc tế.

Năm 2000, nền kinh tế đã bắt đầu lấy lại được nhịp độ tăng trưởng tương đối khá, tạo đà phát triển trong những năm tiếp theo.

Tuy vậy, trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn kém, quy mô sản xuất nhỏ bé, các cân đối nguồn lực còn hạn hẹp; mức thu nhập và tiêu dùng của dân cư thấp, chưa đủ tạo sức bật mới đối với sản xuất và phát triển thị trường. Lĩnh vực xã hội tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Cải cách hành chính tiến hành còn chậm.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học; xu thế toàn cầu hoá; khả năng ổn định và phục hồi của nền kinh tế khu vực và thế giới trong thập kỷ tới có những tác động tích cực, tạo điều kiện cho nước ta mở ra khả năng hợp tác kinh tế, khai thác lợi thế so sánh, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phát huy tốt hơn nội lực, tạo thành sức mạnh tổng hợp phát triển đất nước. Đồng thời cũng có những yếu tố không thuận, tăng sức ép cạnh tranh đối với nền kinh tế nước ta.

Vấn đề đặt ra là phải phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân tộc, đặc biệt là trí tuệ và kỹ năng lao động của người Việt Nam, nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, khắc phục những khó khăn, yếu kém, tận dụng mọi thuận lợi và thời cơ để phát triển kinh tế, xã hội nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ chủ yếu

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 thể hiện các quan điểm phát triển và mục tiêu chiến lược 10 năm tới mà nội dung cơ bản là: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Theo đó, mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là:

Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Mục tiêu tổng quát nêu trên được cụ thể hoá thành định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1.1. Phần đầu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm cao hơn 5 năm trước và có bước chuẩn bị cho 5 năm tiếp theo.

1.2. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo; củng cố kinh tế tập thể; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm.

1.3. Tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế, xã hội; xây dựng cơ cấu kinh tế có hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh. Hoàn chỉnh một bước cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng. Đầu tư thích đáng cho các vùng kinh tế trọng điểm; hỗ trợ đầu tư nhiều hơn cho các vùng còn nhiều khó khăn.

1.4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Củng cố thị trường đã có và mở rộng thêm thị trường mới. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, thực hiện các cam kết song phương và đa phương.

1.5. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính - tiền tệ, tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia, thực hành triệt để tiết kiệm; tăng tỷ lệ chi ngân sách dành cho đầu tư phát triển; duy trì ổn định các cân đối vĩ mô; phát triển thị trường vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.6. Tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý; triển khai thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở; ứng dụng nhanh các công nghệ tiên tiến, hiện đại; từng bước phát triển kinh tế tri thức.

1.7. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc: tạo nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở cả thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn; cải cách cơ bản chế độ tiền lương; cơ bản xoá đói, giảm nhanh hộ nghèo; chăm sóc tốt người có công; an ninh xã hội; chống tệ nạn xã hội. Phát triển mạnh văn hoá, thông tin, y tế và thể dục thể thao; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

1.8. Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, đổi mới và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước. Đẩy lùi tình trạng quan liêu, tham nhũng. Thực hiện tốt dân chủ, nhất là dân chủ ở xã, phường và các đơn vị cơ sở.

1.9. Thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh; bảo đảm trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

2. Các chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế, xã hội chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Đưa GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 5 năm 2001-2005 là 7,5%, trong đó nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,3%, công nghiệp và xây dựng tăng 10,8%, dịch vụ tăng 6,2%.

- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,8%/năm.

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng 13%/năm.

- Giá trị dịch vụ tăng 7,5%/năm.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm.

Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP đến năm 2005 dự kiến:

- Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp 20 - 21%.

- Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng khoảng 38 - 39%.

- Tỷ trọng các ngành dịch vụ 41 - 42%.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội:

Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt 80%, tỷ lệ học sinh phổ thông trung học đi học trong độ tuổi đạt 45% vào năm 2005.

Tiếp tục củng cố và duy trì mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,5‰; tốc độ tăng dân số vào năm 2005 khoảng 1,2%.

Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005.

Cơ bản xoá hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005.

Đáp ứng 40% nhu cầu thuốc chữa bệnh sản xuất trong nước.

Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 22 - 25% vào năm 2005.

Nâng tuổi thọ bình quân vào năm 2005 lên 70 tuổi.

Cung cấp nước sạch cho 60% dân số nông thôn.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ VÙNG

Căn cứ vào định hướng phát triển của chiến lược, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và vùng trong kế hoạch 5 năm tới là:

1. Định hướng phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Chuyển đổi nhanh chóng cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế về khí hậu, đất đai và lao động của từng vùng, từng địa phương. Ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ vào sản xuất,

nhất là ứng dụng công nghệ sinh học; gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ; hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ ngay trên địa bàn nông thôn.

Tích cực khai hoang mở rộng diện tích canh tác ở những nơi còn đất hoang hoá chưa được sử dụng, phân bố lại lao động dân cư; giảm nhẹ tác động của thiên tai đối với sản xuất.

Phát triển mạnh ngành, nghề và kết cấu hạ tầng ở nông thôn, tạo thêm việc làm mới để chuyển lao động nông nghiệp sang làm ngành, nghề phi nông nghiệp, nâng cao đời sống của dân cư nông thôn. Phần đầu đến năm 2005 thu nhập bình quân của nông dân gấp 1,7 lần so với hiện nay; không còn hộ đói, giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo.

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng thâm canh, tăng năng suất và tăng nhanh lúa đặc sản, chất lượng cao. Sản lượng lương thực có hạt năm 2005 dự kiến 37 triệu tấn, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Tập trung phát triển các cây công nghiệp chủ lực có khả năng cạnh tranh như cao su, cà phê chè, chè, điều,... Ngoài ra cần đặc biệt chú trọng phát triển các loại rau quả và các sản phẩm đặc trưng khác.

Phát triển chăn nuôi, dự kiến năm 2005, sản lượng thịt hơi các loại khoảng 2,5 triệu tấn. Hướng chính là tổ chức lại sản xuất, khuyến khích phát triển hộ hoặc nông trại chăn nuôi quy mô lớn; đầu tư cải tạo đàn giống, tăng cường công tác thú y; chế biến thức ăn chăn nuôi; phát triển đàn bò thịt, sữa và các cơ sở chế biến thịt, sữa; tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

Bảo vệ và phát triển rừng, tiếp tục thực hiện dự án 5 triệu ha rừng. Tăng nhanh diện tích trồng rừng mới, kết hợp với khoanh nuôi, bảo vệ tái sinh rừng. Trồng mới 1,3 triệu ha rừng tập trung, nâng độ che phủ rừng lên khoảng 38 - 39% vào năm 2005; hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư và ổn định đời sống nhân dân vùng núi.

Phát triển khai thác hải sản xa bờ và điều chỉnh nghề cá ven bờ hợp lý. Đầu tư phát triển mạnh ngành nuôi, trồng thủy sản, xây dựng vùng nuôi, trồng tập trung, gắn với phát triển công nghiệp chế biến chất lượng cao; đẩy mạnh nuôi tôm xuất khẩu theo phương thức tiến bộ, bảo vệ môi trường. Xây dựng đồng bộ công nghiệp khai thác cả về đội tàu, cảng, bến cá, đóng và sửa tàu thuyền, dệt lưới, dịch vụ hậu cần, an toàn trên biển. Phần đầu đạt sản lượng thủy sản năm 2005 vào khoảng 2,4 triệu tấn, giá trị xuất khẩu thủy sản khoảng 2,5 tỷ USD.

Phát triển mạng lưới thủy lợi, bảo đảm cải tạo đất, thâm canh, tăng vụ và khai thác các vùng đất mới. Hoàn thành xây dựng các công trình thủy lợi kết hợp với phòng tránh lũ ở miền Trung như hệ thống thủy lợi sông Chu; hệ thống thủy lợi Bang (Quảng Bình); thủy điện, thủy lợi Rào Quán (Quảng Trị); hồ Tả Trạch (Thừa Thiên Huế); hồ Định Bình (Bình Định). Khởi công xây dựng thủy điện sông Ba Hạ kết hợp với phòng chống lũ đồng bằng Tuy Hoà (Phú Yên). Xây dựng và củng cố hệ thống đê biển và các công trình ngăn mặn, thủy lợi cho nuôi, trồng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long. Kiên cố hoá các tuyến đê xung yếu; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương. Phần đầu đến năm 2005, đưa năng lực tưới lên 6,5 triệu ha gieo trồng lúa và 1,5 triệu ha rau màu, cây công nghiệp (tăng 60 vạn ha).

Phát triển nhanh cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, tiếp tục đầu tư xây dựng đường giao thông đến hơn 500 xã hiện chưa có đường ôtô đến trung tâm, mở rộng mạng lưới cung cấp điện, thực hiện tốt chương trình quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, đến năm 2005 có 60% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Mở mang các làng nghề, phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đưa công nghiệp sơ chế và chế biến về nông thôn và vùng nguyên liệu; phát triển lĩnh vực dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật, trao đổi nông sản hàng hoá ở nông thôn,... tăng nhanh việc làm cho khu vực phi nông nghiệp. Tiếp tục chương trình xoá đói, giảm nghèo, chú trọng phát triển các đô thị nhỏ, các điểm bưu điện, văn hoá ở làng, xã, các trung tâm văn hoá cụm xã. Đảm bảo an toàn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở nông thôn.

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4,8%/năm. Đến năm 2005, ngành nông nghiệp chiếm khoảng 75 - 76% giá trị sản xuất toàn ngành; lâm nghiệp khoảng 5 - 6%; thủy sản khoảng 19 - 20%.

2. Định hướng phát triển công nghiệp

Phát triển với nhịp độ cao, có hiệu quả, coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến và tiến tới hiện đại hoá từng phần các ngành sản xuất công nghiệp.

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu; các ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Xây dựng có lựa chọn, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, và hiệu quả một số cơ sở công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất: dầu khí, luyện kim (thép, nhôm, kim loại quý hiếm...), cơ khí, điện tử, hoá chất cơ bản...

Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử. Phát triển một số cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết.

Kết hợp hài hoà giữa phát triển công nghiệp đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu; có những biện pháp bảo hộ hợp lý, bảo đảm công nghiệp phát triển với khả năng cạnh tranh cao, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp với nhiều quy mô, nhiều trình độ; chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp định hướng chung và lợi thế của từng vùng, từng địa phương; trước hết, tập trung cho công nghiệp chế biến, công nghiệp sử dụng nhiều lao động và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển mạnh mẽ tiểu thủ công nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 13%/năm.

Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp:

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, phát triển mạnh theo hướng đầu tư công nghệ hiện đại, sản xuất ra các sản phẩm đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài; chú trọng các mặt hàng như chế biến thủy sản, chế biến lương thực, thịt, sữa, đường mật, nước giải khát, dầu thực vật...

Phấn đấu đến năm 2005 đạt 8 - 10 lít sữa/người/năm và đưa kim ngạch xuất khẩu sản phẩm sữa gấp 2 lần so với năm 2000, nâng tỷ lệ sử dụng nguyên liệu trong nước lên 20%. Tiếp tục quy hoạch phát triển đồng bộ ngành mía đường cả về vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến; dự kiến sản lượng đường mật các loại bình quân đầu người vào năm 2005 khoảng 14,4 kg. Chú trọng đầu tư sản xuất dầu thực vật, phát triển các cơ sở chế biến rau, quả gắn với phát triển vùng nguyên liệu.

Ngành giấy, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất giấy hiện có, nghiên cứu xây dựng thêm một số cơ sở sản xuất bột giấy và giấy để có thể tăng công suất thêm 20 vạn tấn, trong đó có nhà máy bột giấy ở Kon Tum công suất 13 vạn tấn/năm, đưa tổng năng lực sản xuất lên 60 vạn tấn và đạt sản lượng 50 vạn tấn vào năm 2005.

Ngành dệt may và da giày, chú trọng tìm kiếm và mở thêm thị trường trong nước và nước ngoài. Tăng cường đầu tư, hiện đại hoá một số khâu sản xuất, tập trung đầu tư sản xuất sợi, dệt, thuộc da; chú trọng phát triển nguồn bông và khai thác nguồn da các loại, tăng phần sản xuất trong nước về các nguyên liệu và phụ liệu trong ngành dệt may và da giày để nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm xuất khẩu. Đến năm 2005, đạt sản lượng 2,5 - 3 vạn tấn bông xơ, 750 triệu mét vải, nâng sản lượng giày dép lên trên 410 triệu đôi.

Ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, viễn thông, thực hiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, hiện đại hoá những cơ sở sản xuất điện tử đã có, xây dựng một số cơ sở mới để đáp ứng nhu cầu trong nước, giảm dần nhập khẩu và tăng dần xuất khẩu; tăng nhanh tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Tập trung đầu tư và có chính sách để phát triển mạnh

công nghiệp phần mềm phục vụ nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu, đưa giá trị sản phẩm phần mềm đạt trên 500 triệu USD vào năm 2005, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD.

Ngành cơ khí, tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, hiện đại hoá một số khâu then chốt trong chế tạo, chú trọng phát triển công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu, đặc biệt là các loại tàu có trọng tải lớn. Tăng khả năng chế tạo các dây chuyền thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ cho công nghiệp chế biến; nông cụ và máy nông nghiệp; các loại thiết bị cho các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ; phương tiện vận tải, máy công cụ, máy xây dựng, cơ khí tiêu dùng. Phát triển một số lĩnh vực hiện đại như cơ điện tử; từng bước đưa ngành cơ khí thành ngành công nghiệp mạnh, đáp ứng khoảng 25% nhu cầu chế tạo thiết bị cho nền kinh tế và nội địa hoá khoảng 70-80% các loại phụ tùng xe máy và 30% phụ tùng lắp ráp ô tô.

Ngành dầu khí, tiếp tục tìm nguồn vốn hợp tác thăm dò, tìm kiếm khai thác để tăng thêm khả năng khai thác dầu khí. Sản lượng khai thác dầu năm 2005 đạt 27 - 28 triệu tấn quy đổi. Đẩy mạnh công tác phát triển mỏ và xây dựng đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn để đưa vào vận hành năm 2002; nhà máy lọc dầu số 1 đưa vào vận hành năm 2004 nhằm đạt sản lượng 6 triệu tấn xăng, dầu và các sản phẩm dầu vào năm 2005. Ngoài ra, sẽ tiến hành một số công tác chuẩn bị cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu số 2, đường ống dẫn khí và cơ sở chế biến, sử dụng khí ở khu vực Tây Nam, ở đồng bằng sông Hồng. Tận dụng khả năng để đầu tư ra nước ngoài nhằm phát triển lâu dài ngành dầu khí nước ta.

Ngành điện, sản lượng điện phát ra năm 2005 khoảng 44 tỷ kWh, tăng bình quân 12%/năm, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp, phát triển các ngành dịch vụ và phục vụ dân sinh.

Trong 5 năm tới, công suất nguồn điện tăng thêm khoảng 5.200 MW, đến năm 2005 tổng công suất nguồn điện khoảng 11.400 MW, trong đó thủy điện chiếm 40%, nhiệt điện khí trên 44%, nhiệt điện than trên 15%,... Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống tải điện. Tích cực chuẩn bị cho công trình thủy điện Sơn La, phân đấu tạo đủ điều kiện để khởi công xây dựng trong kế hoạch 5 năm này.

Ngành than, mở rộng thị trường tiêu thụ than trong và ngoài nước để tăng nhu cầu sử dụng than, bố trí sản xuất than hợp lý giữa cung và cầu. Thực hiện chủ trương đầu tư có trọng điểm, đổi mới công nghệ, nâng cao tính an toàn trong sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc của công nhân ngành than. Dự kiến sản lượng than năm 2005 khoảng 15 - 16 triệu tấn.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nhà máy xi măng để đưa vào khai thác trong 5 năm tới; nghiên cứu xây dựng mới một vài nhà máy xi măng để tăng thêm 8 - 9 triệu tấn công suất. Đến năm 2005 dự kiến tổng công suất đạt trên 24,5 triệu tấn. Phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng khác như tấm lợp, gạch, ngói, khai thác và chế biến đá granit, sản xuất các thiết bị trang trí nội thất... để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Ngành hoá chất phân bón, nghiên cứu các điều kiện để sớm khởi công xây dựng nhà máy sản xuất DAP công suất 33 vạn tấn phân diamon phốt phat; tăng năng lực khai thác và tuyển quặng apatit lên 76 vạn tấn/năm, đưa tổng năng lực sản xuất phân lân các loại đến năm 2005 khoảng 2,2 triệu tấn. Triển khai xây dựng nhà máy sản xuất phân đạm từ khí để có thể huy động một phần công suất vào năm 2004. Tích cực thực hiện các công tác chuẩn bị để sớm khởi công xây dựng nhà máy sản xuất đạm đi từ khí hoá than, gói đầu công suất cho 5 năm sau. Dự kiến sản lượng phân urê năm 2005 vào khoảng 80 - 90 vạn tấn.

Nâng cao năng lực sản xuất một số hoá chất cơ bản như xút, soda; đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm cao su, trong đó sản lượng lốp ô tô, máy kéo đạt 1,2 triệu bộ/năm.

Ngành thép, tiếp tục triển khai đầu tư chiều sâu các cơ sở luyện và cán thép hiện có. Đầu tư xây dựng mới 1 - 2 cơ sở sản xuất phôi thép, nâng năng lực sản xuất phôi từ 40 vạn tấn năm 2000 lên 1 - 1,4 triệu tấn năm 2005. Xây dựng nhà máy cán thép nguội và nhà máy cán thép nóng để sản xuất thép tấm, thép lá. Nghiên cứu và chuẩn bị xây dựng cơ sở luyện thép liên hợp từ quặng trong nước và nhập khẩu. Sản lượng thép cán các loại năm 2005 vào khoảng 2,7 triệu tấn.

Khai thác và chế biến các loại khoáng sản, phát triển công nghiệp khai thác bôxít, luyện alumin và chế biến nhôm theo 1 trong 2 phương án: sản xuất 300 nghìn tấn/năm alumin để điện phân 75 nghìn tấn nhôm sử dụng trong nước; sản xuất 1 triệu tấn alumin cho xuất khẩu, giai đoạn sau nâng lên 3 triệu tấn. Đầu tư

khai thác và tuyển quặng đồng, khai thác imenhít, đá quý, vàng, đất hiếm; xây dựng nhà máy luyện kẽm Thái Nguyên, luyện đồng ở Lào Cai.

3. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ

Đa dạng hoá các ngành dịch vụ, mở rộng thị trường tiêu dùng các sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống xã hội.

Phát triển thương mại, cả nội thương và ngoại thương, bảo đảm hàng hoá lưu thông thông suốt trong thị trường nội địa và giao lưu buôn bán với nước ngoài. Chú trọng công tác tiếp thị và mở rộng thị trường nông thôn, thị trường miền núi; tạo liên kết chặt chẽ giữa các vùng trong nước. Củng cố thương mại nhà nước; tăng cường vai trò điều tiết của Nhà nước. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên thị trường tăng khoảng 11 - 14%/năm.

Nâng cao chất lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động du lịch. Liên kết chặt chẽ các ngành liên quan đến hoạt động du lịch để đầu tư phát triển một số khu du lịch tổng hợp và trọng điểm; đưa ngành du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển và đa dạng hoá các loại hình và các điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, lịch sử, thể thao hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất và đẩy mạnh hợp tác liên kết với các nước trong hoạt động du lịch.

Nâng cao chất lượng, tăng khối lượng và độ an toàn vận tải hành khách, hàng hoá trên tất cả các loại hình vận tải; có các biện pháp tích cực để giải quyết tốt vận tải hành khách công cộng ở các thành phố lớn Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, phấn đấu để giảm thiểu tai nạn giao thông... Nâng tỷ lệ thị phần vận tải quốc tế bằng hàng không, đường biển... Khối lượng luân chuyển hàng hoá tăng 9 - 10%/năm. Luân chuyển hành khách tăng 5 - 6%/năm. Nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính - viễn thông. Năm 2005 mật độ điện thoại đạt 7 - 8 máy/100 dân. Phổ cập dịch vụ điện thoại đến 100% số xã trong toàn quốc.

Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, kiểm toán, tư vấn pháp luật, dịch vụ trí tuệ, tin học, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao...

Nhịp độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng các ngành dịch vụ trên 7,5%/năm.

Đề ẩy nhanh quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV vừa qua ắc ịnh một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm từ nay ến năm 2010:

Một là, hồn chỉnh ồng bộ quy hoạch tổng thể về nông nghiệp, nông thôn và quy hoạch chi tiết những vùng sản xuất tập trung ể tạo ra những vùng sản xuất hàng hoá lớn. Tiếp tục tăng cường ầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Quản lý tốt các loại ất nông nghiệp, nông thôn ể sử dụng ồng mục ích, cũ hiệu quả.

Hai là, tiếp tục ẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, chuyển nhanh diện tích ất trũng cấy lúa hiệu quả thấp sang nuôi thả cá, thủy ặc sản và trồng cây ăn quả, mở rộng diện tích vụ ơng, phát triển chăn nuôi thâm canh, chăn nuôi công nghiệp theo mô hình kinh tế trang trại.

Ba là, tiếp tục thực hiện tốt các chính sách khuyến nông, ưa nhanh các giống cây, con cũ năng suất, chất lượng cao vào sản xuất ại trừ, các tiến bộ khoa học công

nghệ vào nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học. Thông qua các hình thức phối hợp, đưa nhanh kỹ thuật sản xuất mới lên với nông dân, đặc biệt là các mô hình trình diễn kỹ thuật theo phương thức “bắt tay chỉ việc”. Mở rộng các chính sách ưu đãi hỗ trợ dụng giống mới, khoa học – công nghệ mới lần đầu.

Bốn là, phát triển mạnh các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp đi đôi với việc triển khai rộng rãi quỹ khuyến công xuống các làng nghề, ngành nghề nông thôn, ưu tiên những ngành nghề cũ nhiều tiềm năng về thu hút nhiều lao động. Các chính sách thật cụ thể để thu hút đầu tư và tạo điều kiện đưa thêm những ngành nghề mới vào nông thôn, chuyển dần lao động nông nghiệp sang sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thực hiện phương châm: “rời ruộng nhưng không rời làng”.

Năm là, đẩy mạnh công nghiệp và dịch vụ vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, gắn nông nghiệp với công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, nhằm tăng sản phẩm qua chế biến, giảm tổn thất nguyên liệu thô để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội. Chỉ trọng cơ giới hóa nhanh các khâu lao động nặng nhọc, năng suất thấp như: làm đất, thu hoạch, vận chuyển, chế biến, bảo quản...

Sáu là, đổi mới cơ chế đầu tư, tập trung thích ứng vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Trong ưu tiên đầu tư cho giao thông nông thôn, thủy lợi, nước sạch, thông tin liên lạc, trường học, chợ nông thôn, chợ đầu mối... Đầu tư thỏa ứng việc tạo nghề cho lao động nông thôn và chính sách thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật về nông thôn. Các cơ chế khuyến khích để mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng quỹ bảo trợ ngành nghề, quỹ bảo hiểm sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm theo hợp đồng với nông dân theo mô hình liên kết “5 nhà”. Tạo lập thị trường tiêu thụ nông sản tương đối ổn định để nông dân yên tâm sản xuất.

Hải Dương xác định mục tiêu cuối cùng của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn phải là thay đổi cách nghĩ, cách làm của từng người nông dân, làm tăng năng suất lao động, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, cải thiện điều kiện sống và điều kiện làm việc của người lao động trong nông nghiệp, nông thôn.

Mặc dù đến nay cơ cấu kinh tế chung của Hải Dương đã có sự chuyển dịch tích cực nhưng hiện tại vẫn còn gần 70% số dân vẫn cơ bản sống bằng nông nghiệp. Do vậy, việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn có ý nghĩa hết sức to lớn. Hải Dương coi việc đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, đột phá, vừa là nhiệm vụ trọng tâm cơ bản lâu dài, đồng thời cũng là cuộc cách mạng sâu rộng liên quan và chi phối đến mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội của tỉnh từ nay đến năm 2010.